

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **60/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-9-2018

*"Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Mộng Lành

2. Ông Nguyễn Quốc Đạm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1980 (có mặt);

HKTT: Ấp R M, xã T Y A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Kh ph 6, thị trấn D Đ, huyện Phú Quốc, Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Hoàng Th, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp R M, xã T Y A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 04/5/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Lê Hoàng Th sống chung với nhau vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng

không có đăng ký kết hôn. Chị và anh Th có được hai đứa con chung tên Lê Thị Cẩm L, sinh ngày 25/11/2000 và Lê Trung K, sinh ngày 03/12/2004, hiện nay K đang chung sống với chị, L chung sống với anh Th, chị và anh Th không có tài sản chung, không có nợ người khác. Thời gian chung sống anh chị sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Th ăn chơi, không lo làm kinh tế gia đình, chị đã khuyên anh Th nhiều lần để anh Th lo cố gắng làm ăn chăm lo gia đình nhưng anh Th không thay đổi. Nay chị yêu cầu giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị xin được ly hôn với anh Lê Hoàng Th. Về quan hệ con chung, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con tên Lê Trung K, còn Lê Thị Cẩm L nay đã trưởng thành con nguyện vọng chung sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ không có, chị không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không trình bày và yêu cầu gì.

** Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Lê Hoàng Th trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị K về quan hệ hôn nhân về thời gian chung sống, làm đám cưới và không đăng ký kết hôn, mâu thuẫn gia đình, con chung. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị K, vì không muốn con anh chị sau này sẽ khổ do anh chị ly hôn, anh vẫn còn thương chị Nguyễn Thị K. Về quan hệ con chung, con Lê Thị Cẩm L đã trưởng thành muốn sống với ai thì người đó có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, còn con Lê Trung K anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, vợ chồng có một nền nhà chiều ngang 05 mét x chiều dài 60 mét, tọa lạc tại xã N Y, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang trị giá 65.000.000 đồng và những vật dụng trong nhà trị giá 30.000.000 đồng, anh yêu cầu được chia làm 4 phần, anh một phần, chị K một phần và chia cho hai đứa con mỗi đứa con một phần bằng nhau. Về nợ, bà L, địa chỉ ấp R M, xã T Y A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nợ anh chị số tiền 9.000.000 đồng, bà 8 M, địa chỉ ấp M Ch, xã T Y, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nợ anh chị số tiền 7.000.000 đồng, bà 7 D, địa chỉ ấp R M, xã T Y, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nợ anh chị số tiền 10.000.000 đồng, tổng số nợ trên anh yêu cầu chia làm bốn phần bằng nhau, anh một phần, chị K một phần và hai đứa con mỗi đứa con một phần bằng nhau, ngoài ra anh không trình bày và yêu cầu gì.

* Tại bản tự khai ngày 08/7/2018, Lê Trung K có nguyện vọng được sống với mẹ là chị Nguyễn Thị K.

* *Tại biên bản xác minh ngày 08/7/2018 biết được:* Anh Th và chị K chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh Th không lo làm ăn, hiện tại anh Th không có việc làm ổn định.

* *Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị K yêu cầu được ly hôn với anh Th. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Lê Trung K, sinh ngày 03/12/2004, còn Lê Thị Cẩm L nay đã trưởng thành con có nguyện vọng chung sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ không có, chị không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Hoàng Th vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

- Kiểm sát viên phát biểu về thực hiện tố tụng và đưa ra quan điểm giải quyết vụ án:

Về thực hiện tố tụng tuân theo pháp luật, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không tham gia phiên tòa là thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, chị K và anh Th chung sống với nhau vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến anh chị ly thân nhau, tại phiên tòa hôm nay chị K yêu cầu được ly hôn với anh Th. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị K và anh Th là vợ chồng;

Về quan hệ con chung, chị K và anh Th có 02 đứa con chung tên Lê Thị Cẩm L, sinh ngày 25/11/2000 nay đã trưởng thành và Lê Trung K, sinh ngày 03/12/2004 hiện nay chung sống với chị K. Khi anh chị ly hôn anh chị đều yêu cầu được nuôi dưỡng con Lê Trung K, theo nguyện vọng của Lê Trung K được sống với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung của anh chị tên Lê Trung K cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị K không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Về tài sản chung và nợ, trong quá trình tố tụng anh Th trình bày vợ chồng có một nền nhà, chiều ngang 05 mét x chiều dài 60 mét, tọa lạc tại xã N Y, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang trị giá 65.000.000 đồng và những vật dụng trong nhà trị giá 30.000.000 đồng, bà L nợ anh chị số tiền 9.000.000 đồng, bà T M nợ anh chị số tiền 7.000.000 đồng, bà 7 D nợ anh chị số tiền 10.000.000 đồng Tòa án thông báo cho anh Th nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết thì anh phải làm đơn khởi kiện nhưng hết thời gian Tòa án đã ấn định mà anh Th vẫn không làm đơn khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K yêu cầu xin được ly hôn với bị đơn anh Lê Văn Th, tranh chấp về nuôi con. Khi chị K khởi kiện Tòa án thụ lý vụ án giải quyết và hiện nay bị đơn anh Th, cư trú tại ấp R M, xã T Y A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang là vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng anh Th trình bày bà L nợ anh chị số tiền 9.000.000 đồng, bà 8 M nợ anh chị số tiền 7.000.000 đồng, bà 7 D nợ anh chị số tiền 10.000.000 đồng Tòa án thông báo cho anh Th nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết thì anh phải làm đơn khởi kiện nhưng hết thời gian Tòa án đã ấn định mà anh Th vẫn không làm đơn khởi kiện nên Tòa án không đưa bà L, bà 8 M, bà 7 D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Sau khi hòa giải không thành Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Th, nhưng anh Th vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không lý do. Đồng thời tại phiên tòa lần thứ hai chị K không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị K xin ly hôn với anh Th thấy rằng, chị K và anh Th chung sống với nhau năm 2000 đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã nơi một trong hai người cư trú*) là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn theo pháp luật Hôn nhân và gia đình, cụ thể khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*”. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh Th là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về quan hệ con chung, chị K và anh Th có 02 đứa con chung tên Lê Thị Cẩm L, sinh ngày 25/11/2000 nay đã trưởng thành và Lê Trung K, sinh ngày 03/12/2004 hiện nay chung sống với chị K. Khi ly hôn anh chị đều yêu cầu được nuôi con Lê Trung K là nguyện vọng chính đáng, xuất phát từ tình yêu thương của cha mẹ dành cho con. Tuy nhiên, việc xem xét giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Thấy rằng, anh chị đều có điều kiện để nuôi dưỡng con là như nhau, trong khi con chung của anh chị chung sống với chị K từ khi anh chị ly thân đến nay, con của anh chị đã thích nghi với cuộc sống hiện tại, nếu thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tâm lý, sức khỏe của con anh chị. Đồng thời, Lê Trung K con của anh chị có nguyện vọng được chung sống với mẹ là chị K khi anh chị ly hôn. Do đó, yêu cầu của chị K và nguyện vọng của con anh chị là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, nghị nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu của chị K và nguyện vọng của K, giao con chung của anh chị tên Lê Trung K, sinh ngày 04/12/2004 cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với Lê Thị Cẩm L, sinh ngày 25/11/2000 nay đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con, chị K không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[7] Về tài sản và nợ: Trong quá trình tố tụng anh Th trình bày vợ chồng có một nền nhà chiều ngang 05 mét x chiều dài 60 mét, tọa lạc tại xã N Y, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang trị giá 65.000.000 đồng và những vật dụng trong nhà trị giá 30.000.000 đồng, bà L nợ anh chị số tiền 9.000.000 đồng, bà 8 M nợ anh chị số tiền 7.000.000 đồng, bà 7 D nợ anh chị số tiền 10.000.000 đồng Tòa án đã thông báo cho anh Th biết để anh thực hiện quyền khởi kiện của anh theo quy

định của pháp luật nhưng đã quá thời hạn quy định anh Th không làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu bà L, bà 8 M, bà 7 D trả nợ cho anh nên không xem xét. Khi nào anh Th có khởi kiện sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[8] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 206, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị K và anh Lê Hoàng Th là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung của anh chị tên Lê Trung Kiên, sinh ngày 04/12/2004 cho chị Nguyễn Thị Kiều tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con anh chị Lê Trung Kiên. Đối với Lê Thị Cẩm Linh, sinh ngày 25/11/2000 nay đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Không xem xét, khi nào anh Th có khởi kiện sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001550 ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên. Chị Nguyễn Thị K nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2018. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSV, VP (Thảo).

Võ Thanh Huyền